



Trung tâm WTO và Hội nhập

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

Tóm tắt Chương 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh

Chương này quy định về điều kiện, thủ tục đối với việc nhập cảnh tạm thời của người quản lý, người lao động, người cung cấp dịch vụ trong khuôn khổ mức mở cửa đã nêu tại Chương 9, 10 và các Phụ lục I, II và một số cam kết mở cửa bổ sung.

Phạm vi

Chương này quy định về việc nhập cảnh tạm thời của “khách kinh doanh”. Khách kinh doanh là các cá nhân mang quốc tịch hoặc được hưởng quy chế định cư như người có quốc tịch của nước Thành viên CPTPP tham gia hoạt động thương mại hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc tiến hành một hoạt động đầu tư ở một nước Thành viên CPTPP khác).

Nội dung

Mỗi nước Thành viên CPTPP đưa ra các cam kết cụ thể về thời gian và điều kiện cho phép nhập cảnh tạm thời đối với một số loại hình khách kinh doanh (liệt kê trong Phụ lục 12-A của từng nước). Trong phần lớn các trường hợp (được nêu rõ trong từng đề mục cam kết của Phụ lục 12-A), các nước Thành viên CPTPP đều áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” ở các mức độ nhất định (chỉ mở cho khách kinh doanh của nước thành viên CPTPP khác nếu nước đó cũng có cam kết mở cửa cho khách kinh doanh của nước mình trong trường hợp tương tự).

Ngoài các điều kiện được liệt kê trong Phụ lục 12-A, các khách kinh doanh đều phải (i) tuân thủ các thủ tục nhập cảnh; (ii) phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bằng cấp và kinh nghiệm liên quan theo quy định của nước cấp phép nhập cảnh.

Bảng 1. So sánh cam kết của Việt Nam về thời hạn nhập cảnh của các loại hình khách kinh doanh trong WTO và CPTPP

Loại hình khách kinh doanh	Thời hạn nhập cảnh theo cam kết WTO	Thời hạn nhập cảnh theo cam kết CPTPP
Người chào bán dịch vụ	90 ngày	6 tháng
Người di chuyển trong nội bộ của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam (Intra-Corporate Transferees) bao gồm: i) Nhà quản lý và Giám đốc điều hành; ii) Chuyên gia	3 năm, và có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam	3 năm, và có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam
Nhân sự khác của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam (là các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia mà người Việt Nam không thể thay thế)	3 năm hoặc theo thời hạn của hợp đồng lao động, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn, và có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam.	3 năm hoặc theo thời hạn của hợp đồng lao động, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn, và có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam.
Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại	90 ngày	01 năm

Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (người làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam và có một hợp đồng dịch vụ với một doanh nghiệp Việt Nam)	90 ngày hoặc theo thời hạn hợp đồng, tùy thời hạn nào ngắn hơn	06 tháng, hoặc theo thời hạn hợp đồng, tùy thời hạn nào ngắn hơn
---	--	--

Bảng 2. So sánh cam kết của Việt Nam về lĩnh vực cho phép nhập cảnh tạm thời đối với nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng trong WTO và CPTPP

Loại hình khách kinh doanh	Lĩnh vực cho phép nhập cảnh tạm thời để cung cấp dịch vụ theo cam kết WTO	Lĩnh vực cho phép nhập cảnh tạm thời để cung cấp dịch vụ theo cam kết CPTPP
Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (người làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam và có một hợp đồng dịch vụ với một doanh nghiệp Việt Nam)	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính (CP 841-845, 849) - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan (CP 841, 845, 849) - Dịch vụ kỹ sư (CPC 8672) - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) Dịch vụ pháp lý (CPC 861) - Dịch vụ kế toán, thuế và kiểm toán (CPC 862, 8630) Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671) - Dịch vụ liên quan đến khai khoáng (CPC 883, CPC 5115)

		<ul style="list-style-type: none">- Dịch vụ viễn thông- Dịch vụ phân phối (CPC 621, 622, 631, 632, 61111, 61112, 61113, 6121, 8929)- Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan (CPC 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518)- Dịch vụ giáo dục (CPC 922, 923, 924, 929)- Dịch vụ môi trường- Dịch vụ tài chính (bao gồm ngân hàng và bảo hiểm)- Dịch vụ liên quan đến tổ chức sự kiện thể thao (CPC 96411, 96412, 96413)- Dịch vụ vận tải đường bộ (CPC 7123)- Dịch vụ vận tải hàng không (dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không, dịch vụ đặt giữ chỗ bằng máy tính và bảo dưỡng và sửa chữa máy bay (CPC8868**) và huấn luyện bay thương mại).
--	--	--

Ngoại lệ

Mặc dù có các cam kết trong Chương này, mỗi nước Thành viên vẫn giữ toàn quyền trong việc ban hành và thực thi các biện pháp liên quan tới các vấn đề (i) tiếp cận thị trường lao động; (ii) quốc tịch, công dân, cư trú và làm việc thường xuyên.

Ngoài ra, các nước có thể có cam kết riêng thông qua các Thư song phương. Ví dụ, Việt Nam có một Thư song phương với Úc về Việc làm và Lao động kỳ nghỉ với các cam kết riêng mỗi Bên dành cho nhau liên quan tới lao động kỳ nghỉ.

Thư song phương giữa Việt Nam và Úc về lao động kỳ nghỉ

Theo Thư song phương, hai nước sẽ thực hiện rà soát việc thực thi Thỏa thuận về Lao động kỳ nghỉ giữa hai bên ký ngày 18/3/2015 để mở rộng Thỏa thuận này. Về thời hạn, về rà soát này sẽ được thực hiện trong vòng 1 năm kể từ khi CPTPP có hiệu lực với hai Bên. Về nội dung, Úc cam kết khi rà soát sẽ nâng số lao động kỳ nghỉ của Việt Nam được phép sang Úc từ 200 người/năm (theo Thỏa thuận hiện hành) lên 1.500 lao động mỗi năm.

Lao động kỳ nghỉ là các lao động trẻ tuổi (từ 18 đến 31 tuổi) đi nghỉ (du lịch) tại Úc kết hợp với làm việc trong thời gian nghỉ (không quá 01 năm).

Việt Nam cũng cam kết sẽ xem xét để cho phép tối đa là 1.500 lao động kỳ nghỉ của Úc được nhập cảnh vào Việt Nam mỗi năm nếu Úc có yêu cầu.